

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- THANH HOÁ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày 24- 4-2026

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tổng Đức Như; ông Trần Khắc Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 6- Thanh Hóa

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 6- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 244/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Anh [Mai Văn T](#), sinh năm 1989

CCCD số 038089039606

Cư trú tại: [Thôn Y, xã T, tỉnh Thanh Hóa](#) (có mặt)

Bị đơn: Chị [Lương Thị H](#), sinh năm 1989

CCCD số 019189006248

Cư trú tại: [Thôn Y, xã T, tỉnh Thanh Hóa](#)

Chỗ ở hiện nay: [Xóm Đ, xã Y, tỉnh Thái Nguyên](#).

(vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2025 và bản tự khai nguyên anh [Mai Văn T](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng anh kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2025 tại [UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) (cũ), nay là [xã T, tỉnh Thanh Hóa](#). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Lương Thị H](#).

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 06/02/2026 chị [Lương Thị H](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng chị kết hôn ngày 02/01/2025 tại [UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa \(nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa\)](#). Vợ chồng kết hôn dựa trên cơ sở tự nguyện không ép buộc. Chồng chị là anh [Mai Văn T](#) trú tại [thôn Y, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#). Kết hôn thời gian 2 tháng đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Sau khi sang tháng thứ 3 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn cãi vã kéo dài. Khoảng 3 tháng sau đó vợ chồng ly thân nhưng mâu thuẫn không được cải thiện và càng căng thẳng xung đột nhiều lần dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được nên chị quyết định ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có gì chung nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 19/3/2026 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/3/2026, tuy nhiên, chị [Lương Thị H](#) vắng mặt có lý do. Anh [Mai Văn T](#) có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS), TAND khu vực 6- Thanh Hoá tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu đương sự và của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật: Anh [Mai Văn T](#) khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6- Thanh Hoá giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Lương Thị H](#). Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn”;

[1.2] Bị đơn cư trú tại [xã T, tỉnh Thanh Hóa](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6- Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, anh [Mai Văn T](#) có mặt, chị [Lương Thị H](#) đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị [Lương Thị H](#).

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

- Về hôn nhân: Anh [Mai Văn T](#) và chị [Lương Thị H](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện H \(nay là xã T\), tỉnh Thanh Hóa](#) đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, thường xuyên xảy ra sung đột. Nay chị [H](#) đã bỏ về Thái Nguyên ở không ai quan tâm đến ai. HĐXX thấy, anh [T](#) chị [H](#) đến với nhau là lần 2, chung sống với nhau mới từ đầu năm 2025 và đến nay đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Hai bên không tìm cách hàn gắn tình cảm, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh [T](#) cương quyết ly hôn, chị [H](#) cũng đồng ý. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh [T](#) chị [H](#) xử cho anh [T](#) ly hôn với chị [H](#) là phù hợp.

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên HĐXX miễn xét.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Toà án giải quyết, vì vậy HĐXX miễn xét.

[3] Về án phí DSST: Anh [Mai Văn T](#) phải nộp án phí DSST 300.000đ theo quy định của pháp luật;

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56 và Điều 57 Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh [Mai Văn T](#)

- Về hôn nhân: Xử cho anh [Mai Văn T](#) ly hôn với chị [Lương Thị H](#)

- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên Toà án không giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Về án phí DSST: Anh [Mai Văn T](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh [T](#) đã nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 15/12/2025 theo biên lai thu số: 0003994. Như vậy, anh [T](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh [Mai Văn T](#) vắng mặt chị [Lương Thị H](#).

Anh [Mai Văn T](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/4/2026), chị [Lương Thị H](#) được quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
- Dương sự;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Tống Sơn (02/01/2025);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ